

Hội nghị Bàn tròn Quốc gia Lần thứ nhất

Hà Nội, Ngày 14 tháng 9 năm 2001

Cục Kiểm Lâm, Bộ NN và PTNT và IUCN

Hội nghị Bàn tròn Quốc gia Lần thứ nhất về các khu bảo tồn và phát triển ở Việt Nam lần này có sự tham gia của gần bảy chục đại diện của bốn đối tác Chính phủ chủ chốt, các chuyên viên/quản lý các khu bảo tồn, quan chức các tổ chức tài trợ và đại diện của các tổ chức phi chính phủ. Các đối tác chính phủ chủ chốt tham dự Hội nghị bao gồm:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Thủy Sản
- Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Hội nghị tạo cơ hội để giới thiệu rộng rãi với các cán bộ đại diện các khu bảo tồn, qui hoạch và phát triển về mục đích và các hoạt động của Đánh giá tổng quan này. Hội nghị là diễn đàn để trình bày và thảo luận các bài học kinh nghiệm về quản lý các khu bảo tồn và phát triển ở Việt Nam trong mười năm qua. Chương trình nghị sự của hội nghị bao gồm các bài tham luận của cơ quan chính có liên quan đến khu bảo tồn ở Việt Nam:

- **Những bài học kinh nghiệm về xây dựng và phát triển hệ thống rừng đặc dụng tại Việt Nam liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội trong 10 năm qua.**
Trần Quốc Bảo, Trưởng phòng Bảo tồn Thiên nhiên, Cục Kiểm lâm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- **Vấn đề Khu bảo tồn và phát triển kinh tế**
Phan Thu Hương, Vụ Trưởng, Vụ Khoa học, Môi trường và Giáo Dục, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- **Khu bảo tồn và qui hoạch môi trường**
Trần Liên Phong, Trưởng phòng Bảo tồn, Cục Môi trường, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
- **Phát triển hệ thống khu bảo tồn biển – Kinh nghiệm của Việt Nam,** *Vũ Huy Thủ, Phó Giám Đốc, Cục Bảo vệ Nguồn lợi Thủy sản, Bộ Thủy sản*
- **Tổng quan về Đánh giá**
Jeremy Carew-Reid, Giám đốc Trung tâm Quốc tế về Quản lý Môi trường, Úc
- *Bài học kinh nghiệm toàn cầu về qui hoạch và quản lý khu bảo tồn*
Kishore Rao, Giám Đốc Chương trình Khu Vực về các Khu bảo tồn của IUCN Châu Á
- **Vườn Quốc gia Ba Bể và Quản lý Vùng Đệm**
Nông Thế Diễn, Phó Giám Đốc Vườn Quốc gia Ba Bể
- **Dự án thí điểm Khu Bảo tồn biển Hòn Mun**
Chu Tiến Vĩnh, Giám Đốc Quốc gia, Dự án Khu Bảo tồn biển Hòn Mun

Các buổi thảo luận nhóm là dịp để các đại biểu thảo luận các vấn đề chính, các thành tựu và thách thức trong qui hoạch, phát triển kinh tế xã hội và khu bảo tồn. Các nhóm đã trình bày những kết luận của nhóm trước toàn thể hội nghị để thảo luận.

Những kết luận chính: Những thành tựu và thách thức trong quản lý khu bảo vệ

Một số điểm chính nổi lên từ các bài trình bày của các nhóm thảo luận được tóm tắt như sau:

THÀNH TỰU TRONG 10 NĂM QUA:

- Một hệ thống quốc gia về các khu bảo tồn đã được thiết lập và đóng góp lợi ích cho bảo tồn đa dạng sinh học, rừng và lưu vực. Đã có thành công trong việc làm chậm lại quá trình suy giảm tài nguyên của Việt Nam.
- Hệ thống các khu bảo tồn hiện nay đang được mở rộng và đưa các khu đất ngập nước và khu bảo tồn biển vào hệ thống khu bảo tồn.
- Phân vùng quản lý trong các khu bảo tồn biển được đề nghị và khu bảo tồn sinh quyển tại Cần Giờ mang lại những cơ hội lớn cho sự tham gia của các bên có liên quan tại địa phương.
- Chính phủ Việt Nam và Quốc hội đã thông qua một loạt các Nghị Định và Quyết Định nhằm đảm bảo bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Việc thành lập khu bảo tồn thường nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn kinh phí của các chương trình quốc gia dành cho chính quyền địa phương.
- Nhận thức về đa dạng sinh học và giá trị kinh tế quan trọng của các khu bảo tồn đã được nâng cao không những trong nhân dân mà còn đối với cả các nhà ra quyết định và lập kế hoạch.
- Các khu bảo vệ đã bước đầu đóng góp vào phát triển kinh tế xã hội thông qua các lợi ích về mặt vật chất và phi vật chất kể cả du lịch. Khi những việc thực hiện năng động các hướng dẫn quản lý khu bảo tồn được cho phép, các khu bảo tồn có thể có những đóng góp quan trọng vào nền kinh tế địa phương.
- Các khu bảo tồn cũng đóng góp vào nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo.
- Việt Nam đã trở thành thành viên của một vài công ước quốc tế quan trọng như Công Ước về buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) và Công Ước về Đa dạng sinh học (CBD), Công Ước RAMSAR, Công Ước về Biến đổi Khí hậu, v.v.

THÁCH THỨC TRONG TƯƠNG LAI:

- Tiếp tục mở rộng khu bảo tồn sẽ tăng áp lực dàn trải kinh phí cho các khu này.
- Bản chất phân cắt của hệ thống khu bảo vệ làm cho chi phí bảo vệ trên một ha cao.
- Về mặt thể chế và chính sách cho việc quản lý khu bảo vệ vừa chồng chéo vừa còn nhiều khoảng trống. Vì vậy, vẫn có nhu cầu cải thiện khung thể chế, pháp lý và chính sách cho khu bảo vệ.
- Quan hệ giữa phương thức quản lý theo lãnh thổ và quản lý theo ngành.
- Các chính sách phân cấp hiện hành đòi hỏi mức độ rõ ràng hơn nữa về vai trò của các cơ quan.
- Cần phải xác định những biện pháp nhằm đa dạng hoá sự tham gia của các bên có liên quan ở cấp địa phương nếu các ngành khác nhau cùng tham gia vào quản lý và bảo vệ các khu bảo tồn.
- Việc đánh giá thấp lợi ích của các khu bảo tồn dẫn đến thiếu các đầu tư của Chính phủ cho hệ thống các khu bảo tồn.
- Sự hài hoà giữa mục tiêu bảo tồn và mục tiêu phát triển kinh tế.
- Mức độ năng động hơn nữa là cần thiết cho các cơ chế tài chính hiện có. Việc thành lập những quỹ môi trường địa phương là một lựa chọn cần được xem xét.

- Nơi có nguồn tài chính, việc phân bổ nguồn tài chính này một cách hiệu quả không phải lúc nào cũng rõ ràng.
- Việc di dân tự do vào các khu bảo tồn và vùng đệm làm gia tăng các hoạt động của dân trong các khu bảo tồn và vùng đệm tạo nên những áp lực đáng kể cho khu bảo tồn.
- Nhiều giá trị kinh tế của khu bảo tồn không được sử dụng một cách bền vững – ví dụ lâm sản ngoài gỗ, động vật hoang dã và du lịch sinh thái. Thách thức ở đây là tìm ra những cách để cân bằng giá trị kinh tế với mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học.
- Việc thành lập khu bảo tồn gây những khó khăn cho việc lựa chọn sử dụng đất cho nhân dân sống bên trong và xung quanh khu bảo tồn. Những cộng đồng này thường nghèo phải chịu nhiều thiệt thòi và có mức nhận thức, dân trí và khả năng tiếp cận nguồn vốn thấp. Cần tìm ra những phương thức lôi cuốn cộng đồng địa phương tham gia vào quản lý khu bảo tồn một cách có hiệu quả hơn.
- Phần lớn các khu bảo tồn nằm ở các vùng sâu vùng xa, thiếu hạ tầng cơ sở và thiết bị có thể gây khó khăn trong việc quản lý các khu này và “nắm bắt” giá trị kinh tế của nó.
- Năng lực và đào tạo của các cán bộ các khu bảo tồn còn hạn chế.
- Việt Nam có những khó khăn trong việc thực hiện một số cam kết quốc tế, ví dụ đường biên giới kéo dài làm cho Việt Nam khó khống chế việc buôn bán quốc tế động vật hoang dã theo yêu cầu của công ước CITES.